



HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
ACADEMY OF FINANCE

Sứ mệnh:

“Cung cấp các sản phẩm đào tạo và nghiên cứu khoa học Tài chính - Kế toán chất lượng cao cho xã hội”

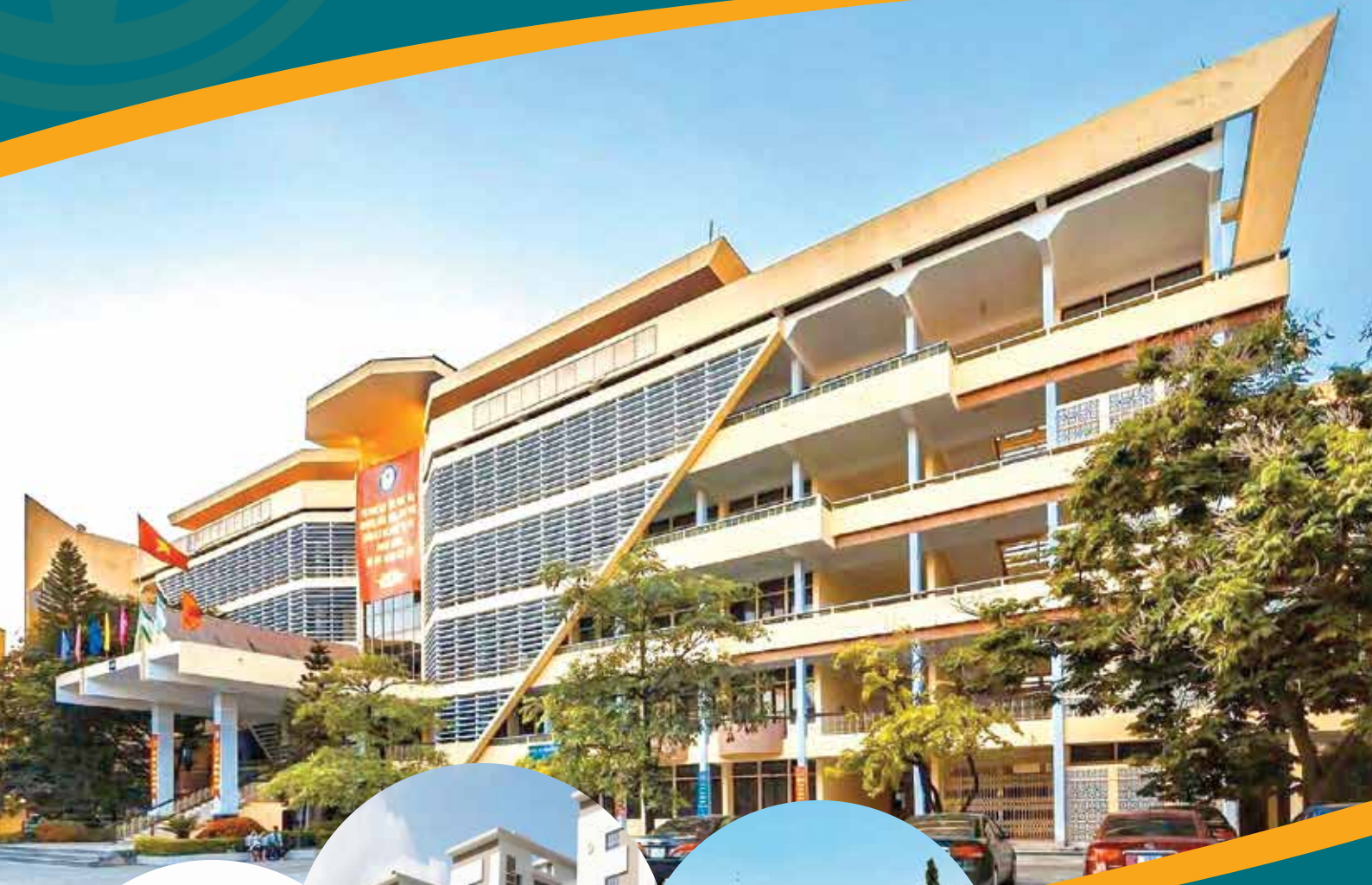
Giá trị cốt lõi:

“Chất lượng - Uy tín - Hiệu quả - Chuyên nghiệp và Hiện đại”

Triết lý giáo dục:

“Công dân toàn cầu trong thế giới thay đổi”

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2026



Thông tin tuyển sinh



Hotline: 0961.481.086
0967.684.806

Website tuyển sinh: xettuyen.hvtc.edu.vn

CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC DÀNH CHO THÍ SINH

Bảng mã tổ hợp môn xét tuyển

Mã tổ hợp	Các môn của tổ hợp xét tuyển
A00	Toán, Vật lý, Hoá học
A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
X06	Toán, Vật lý, Tin học
X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh

Bảng điểm quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10

TT	IELTS	TOEFL iBT (Không sử dụng Home Edition)		SAT	ACT	Điểm quy đổi
		Trước năm 2026	Từ năm 2026			
1	5.5	55 – 69	3.5	1050 – dưới 1200	22 - 26	9,0
2	6.0	70 – 79	4.0	1200 – dưới 1300	27 - 28	9,25
3	6.5	80 – 89	4.5	1300 – dưới 1400	29 - 30	9,5
4	7.0	90 – 99	5.0	1400 – dưới 1500	31 - 32	9,75
5	7.5 trở lên	100 trở lên	5.5 trở lên	1500 trở lên	33 trở lên	10

Bảng điểm quy đổi kết quả học tập theo thang điểm 10

STT	Giải Học sinh giỏi Quốc gia	Giải Học sinh giỏi Tỉnh/TP	Điểm quy đổi
1		Giải ba	9,0
2		Giải nhì	9,5
3	Khuyến khích	Giải nhất	10

* Học phí dự kiến năm học 2026 - 2027:

+ Chương trình chuẩn: Từ 25 – 35 triệu đồng/sinh viên/năm học.

+ Chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế: Từ 50 – 55 triệu đồng/sinh viên/năm học.

+ Diện tuyển sinh theo đặt hàng: Từ 33 – 55 triệu đồng/sinh viên/năm học.

- Học phí đối với lưu học sinh diện tự túc kinh phí: Theo quy định của Học viện đối với sinh viên nước ngoài diện tự túc kinh phí.

- Chương trình mỗi bên cấp 01 Bằng Cử nhân (DDP):

+ Học phí các năm học tại Viện Đào tạo Quốc tế - Học viện Tài chính (trong nước) là 75 - 80 triệu đồng/sinh viên/năm học.

+ Học phí năm cuối tại Trường Đại học Greenwich (London, Vương quốc Anh): theo mức học phí do Trường thông báo.

* Từ những năm học sau học phí có thể thay đổi, nếu tăng thì không quá 10% so với năm học trước.

98,05%



TỶ LỆ SINH VIÊN CÓ VIỆC LÀM

Trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp (Khảo sát năm 2024)

Hơn **150** hoạt động HỖ TRỢ SINH VIÊN
được TỔ CHỨC MỖI NĂM HỌC



Hơn **45** TỶ ĐỒNG
HỌC BỔNG
dành cho SINH VIÊN mỗi năm



Hơn **300**
DOANH NGHIỆP ĐỐI TÁC
Trên cả nước

Hơn **200**
ĐỐI TÁC ĐẠI HỌC & TỔ CHỨC QUỐC TẾ
Trên toàn thế giới



THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

PHƯƠNG THỨC 1: XÉT TUYỂN THẲNG THEO QUY CHẾ CỦA BỘ GD&ĐT

PHƯƠNG THỨC 2: XÉT TUYỂN KẾT HỢP

- Nhóm 1:** Thí sinh có một trong các thành tích vượt trội như sau:
 - Chứng chỉ IELTS Academic đạt từ 7.0 điểm hoặc TOEFL IBT (trước năm 2026) đạt từ 100 điểm hoặc TOEFL IBT (từ năm 2026) đạt từ 5 điểm hoặc SAT đạt từ 1450 điểm hoặc ACT đạt từ 31 điểm.
 - Đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia hoặc đạt giải Nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ văn.
- Nhóm 2:** Thí sinh xếp loại học tập 3 năm bậc THPT đạt loại tốt, có một trong các thành tích như sau:
 - Đạt giải Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương của một trong các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học, Tiếng Anh, Ngữ văn.
 - Chứng chỉ IELTS Academic đạt từ 5.5 điểm hoặc TOEFL IBT (trước năm 2026) đạt từ 55 điểm hoặc TOEFL IBT (từ năm 2026) đạt từ 3.5 điểm hoặc SAT từ 1050 điểm hoặc ACT từ 22 điểm.
- Nhóm 3:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc xếp loại học tập 3 năm bậc THPT đạt loại tốt.

PHƯƠNG THỨC 3: XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026

- Thí sinh đăng ký chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế hoặc ngành Ngôn ngữ Anh chương trình chuẩn được xét tuyển theo các tổ hợp A01, D01, D07, X26; các ngành/chương trình đào tạo còn lại và chương trình LK&ĐT mỗi bên cấp Một Bằng cử nhân DDP (Dual Degree Programme) được xét tuyển theo các tổ hợp A00, A01, D01, D07, X06, X26.

- Nếu thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế được quy đổi điểm thay thế môn Tiếng Anh.

Lưu ý: TOEFL IBT không sử dụng Home Edition; Thời gian đạt giải và thời hạn của các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo quy định của Học viện



NGÀNH, CHƯƠNG TRÌNH, SỐ LƯỢNG TUYỂN SINH (Dự kiến)

Dự kiến số lượng tuyển sinh tại Miền Bắc (Trụ sở chính và các cơ sở đào tạo tại Hà Nội):

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh
I Chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế (2.620)					
1	HC12.01QT	Kinh tế đầu tư (Theo định hướng ACCA)	7310104	Kinh tế đầu tư	80
2	HC03.01QT	Quản trị doanh nghiệp (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340101	Quản trị kinh doanh	50
3	HC11.02QT	Digital Marketing (Theo định hướng ICDL)	7340115	Marketing	200
4	HC09.01QT	Thẩm định giá và kinh doanh bất động sản (Theo định hướng ACCA)	7340116	Bất động sản	80
5	HC15.01QT	Kinh doanh quốc tế (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340120	Kinh doanh quốc tế	80
6	HC01.01QT	Thuế và Quản trị thuế (Theo định hướng ACCA)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	50
7	HC01.06QT	Hải quan và Logistics (Theo định hướng FIATA)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	400
8	HC01.09QT	Phân tích tài chính (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	240
9	HC01.11QT	Tài chính doanh nghiệp (Theo định hướng ACCA)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	400
10	HC01.15QT	Ngân hàng (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	80
11	HC01.19QT	Đầu tư tài chính (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	50
12	HC02.01QT	Kế toán doanh nghiệp (Theo định hướng ACCA)	7340301	Kế toán	350
13	HC02.02QT	Kế toán quản trị và Kiểm soát quản lý (Theo định hướng CMA)	7340301	Kế toán	80
14	HC02.03QT	Kế toán công (Theo định hướng ACCA)	7340301	Kế toán	80
15	HC10.01QT	Kiểm toán (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340302	Kiểm toán	400
II Chương trình chuẩn (3.000)					
16	HC05.01	Tiếng Anh tài chính kế toán	7220201	Ngôn ngữ Anh	160
17	HC06.01	Kinh tế và quản lý nguồn lực tài chính	7310101	Kinh tế	80
18	HC16.01	Kinh tế chính trị - Tài chính	7310102	Kinh tế chính trị	80
19	HC12.01	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế đầu tư	150
20	HC18.01	Toán tài chính	7310108	Toán kinh tế	80
21	HC03.12	Quản trị doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh du lịch	7340101	Quản trị kinh doanh	160
22	HC11.01	Marketing	7340115	Marketing	80
23	HC09.01	Thẩm định giá và kinh doanh bất động sản	7340116	Bất động sản	80
24	HC01.01	Tài chính - Ngân hàng 1 (CTĐT Thuế; Hải quan và Nghiệp vụ ngoại thương; Tài chính quốc tế)	73402011	Tài chính - Ngân hàng	350
25	HC01.02	Tài chính - Ngân hàng 2 (CTĐT Tài chính doanh nghiệp; Phân tích tài chính)	73402012	Tài chính - Ngân hàng	300
26	HC01.03	Tài chính - Ngân hàng 3 (CTĐT Ngân hàng; Đầu tư tài chính)	73402013	Tài chính - Ngân hàng	180
27	HC08.01	Tài chính bảo hiểm	7340204	Bảo hiểm	80
28	HC02.13	Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Kế toán	550
29	HC10.01	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	200
30	HC07.01	Quản lý tài chính công	7340403	Quản lý công	140
31	HC04.01	Tin học tài chính kế toán	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	90
32	HC17.01	Luật kinh doanh	7380101	Luật	80
33	HC14.01	Khoa học dữ liệu trong tài chính	7480108	Khoa học dữ liệu	80
34	HC13.01	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kế toán	7480201	Công nghệ thông tin	80
III Chương trình liên kết đào tạo quốc tế (120)					
35	HC.DDP	Chương trình LK&ĐT mỗi bên cấp Một Bằng cử nhân DDP (Dual Degree Programme)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	120

Dự kiến số lượng tuyển sinh tại Miền Nam (Phân hiệu tại TP. Hồ Chí Minh):

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh
Chương trình định hướng chứng chỉ quốc tế (380)					
1	HS03.01QT	Quản trị doanh nghiệp (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340101	Quản trị kinh doanh	50
2	HS01.06QT	Hải quan và Logistics (Theo định hướng FIATA)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100
3	HS01.09QT	Phân tích tài chính (Theo định hướng ICAEW CFAB)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	50
4	HS01.11QT	Tài chính doanh nghiệp (Theo định hướng ACCA)	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100
5	HS02.01QT	Kế toán doanh nghiệp (Theo định hướng ACCA)	7340301	Kế toán	80

Dự kiến số lượng 1.830 chương trình chuẩn học tại Cơ sở đào tạo Khu công nghệ cao Hoà Lạc, TP. Hà Nội nằm trong tổng số lượng tuyển sinh chung của Học viện tại Miền Bắc như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển sinh
1	HC01.01	Tài chính - Ngân hàng 1 (CTĐT Thuế; Hải quan và Nghiệp vụ ngoại thương; Tài chính quốc tế)	73402011	Tài chính - Ngân hàng	350
2	HC01.02	Tài chính - Ngân hàng 2 (CTĐT Tài chính doanh nghiệp; Phân tích tài chính)	73402012	Tài chính - Ngân hàng	300
3	HC01.03	Tài chính - Ngân hàng 3 (CTĐT Ngân hàng; Đầu tư tài chính)	73402013	Tài chính - Ngân hàng	180
4	HC02.13	Kế toán doanh nghiệp; Kế toán công	7340301	Kế toán	550
5	HC10.01	Kiểm toán	7340302	Kiểm toán	200
6	HC04.01	Tin học tài chính kế toán	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	90
7	HC14.01	Khoa học dữ liệu trong tài chính	7480108	Khoa học dữ liệu	80
8	HC13.01	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính kế toán	7480201	Công nghệ thông tin	80